FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	350,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.9%	-	-

DT thuần

2024

9,273 tỷ VNĐ

YoY ▲ 1,680 ▲ 22.1%

LN gộp

2024

3,426 tỷ VNĐ

YoY ▲ 1,138 ▲ 49.7%

LN thuần

2024

-286 tỷ VNĐ

YoY ▲ 1,800 ▲ 86.3%

LN sau thuế

2024

-1,180 tỷ VNĐ

YoY ▲ 1,137 ▲ 49.1%

ROE

2024

-55.2%

+/- YoY ▼ 2.1%

ROA

2024

-11.4%

+/- YoY ▲ 11.4%

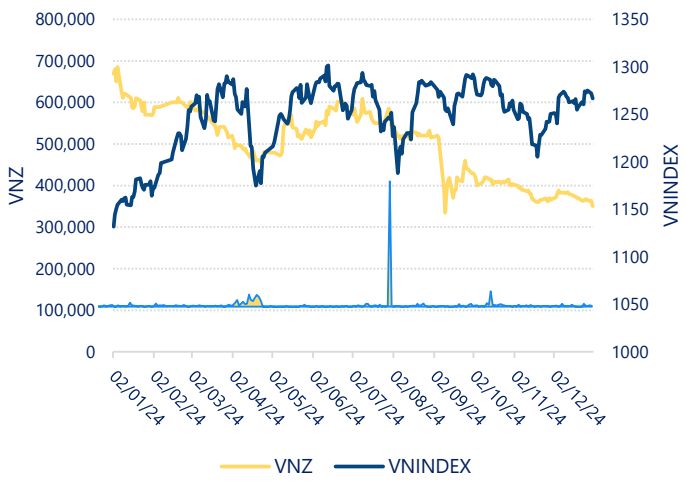

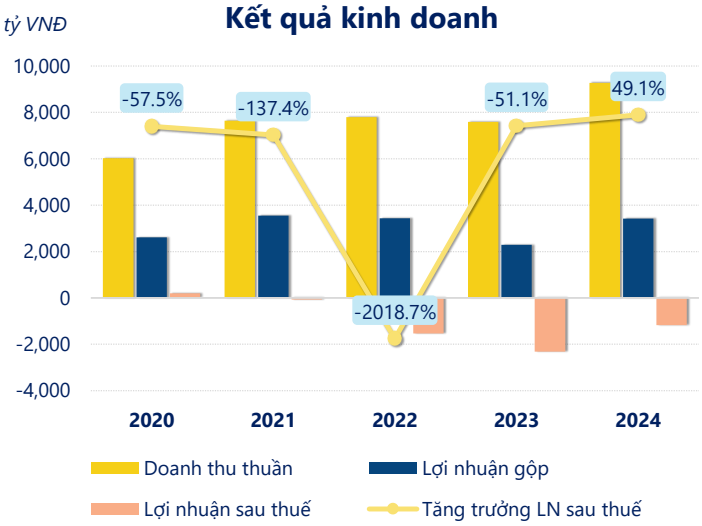

Năm **2024**, **VNZ** ghi nhận doanh thu thuần **9,273** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-1,180** tỷ đồng, lần lượt **tăng 22.1%** và **tăng 49.1%** so với năm trước.

Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -55.2% là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

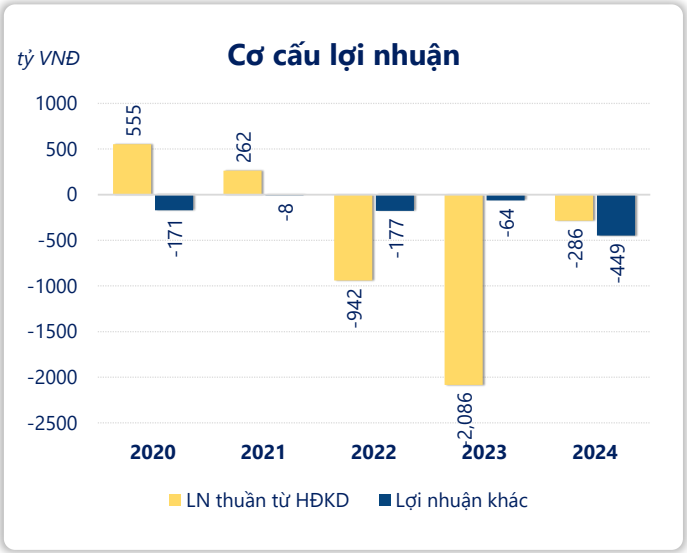

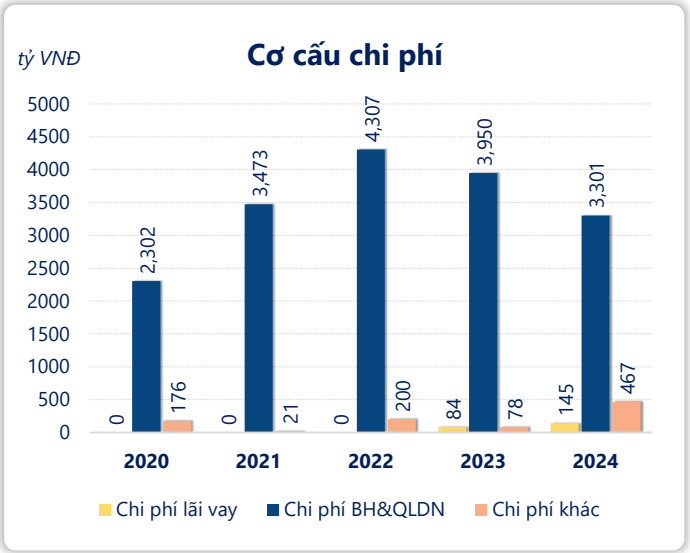

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **VNZ** năm **2024 tăng lên 1,800** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 286.1 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 2,086 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **145.3** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **3,301** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **467.3** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VNZ năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-55.2%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

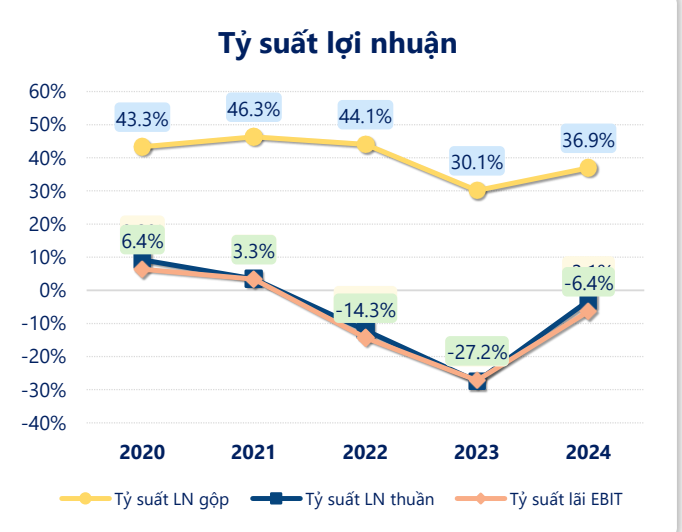

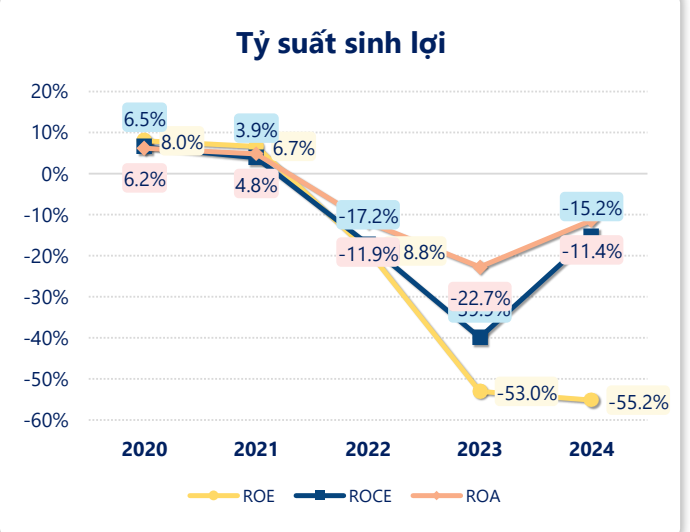

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**6,024**	**7,649**	**7,801**	**7,593**	**9,273**
Giá vốn hàng bán	3,414	4,105	4,363	5,304	5,847
Lợi nhuận gộp	**2,610**	**3,544**	**3,437**	**2,288**	**3,426**
Doanh thu HĐTC	247	228	136	94.4	158
Chi phí TC	5.80	28.3	26.3	221	177
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**84.3**	**145**
LN trong công ty LKLD	5.05	-8.01	-181	-298	-392
Chi phí bán hàng	1,566	2,361	2,728	2,386	1,971
Chi phí QLDN	736	1,112	1,579	1,564	1,330
LN thuần từ HĐKD	**555**	**262**	**-942**	**-2,086**	**-286**
Lợi nhuận khác	-171	-8.05	-177	-63.9	-449
LN trước thuế	**383**	**254**	**-1,119**	**-2,150**	**-735**
Lợi nhuận sau thuế	**193**	**-72.4**	**-1,534**	**-2,317**	**-1,180**
LNST của CĐ cty mẹ	**460**	**413**	**-1,077**	**-2,101**	**-1,081**

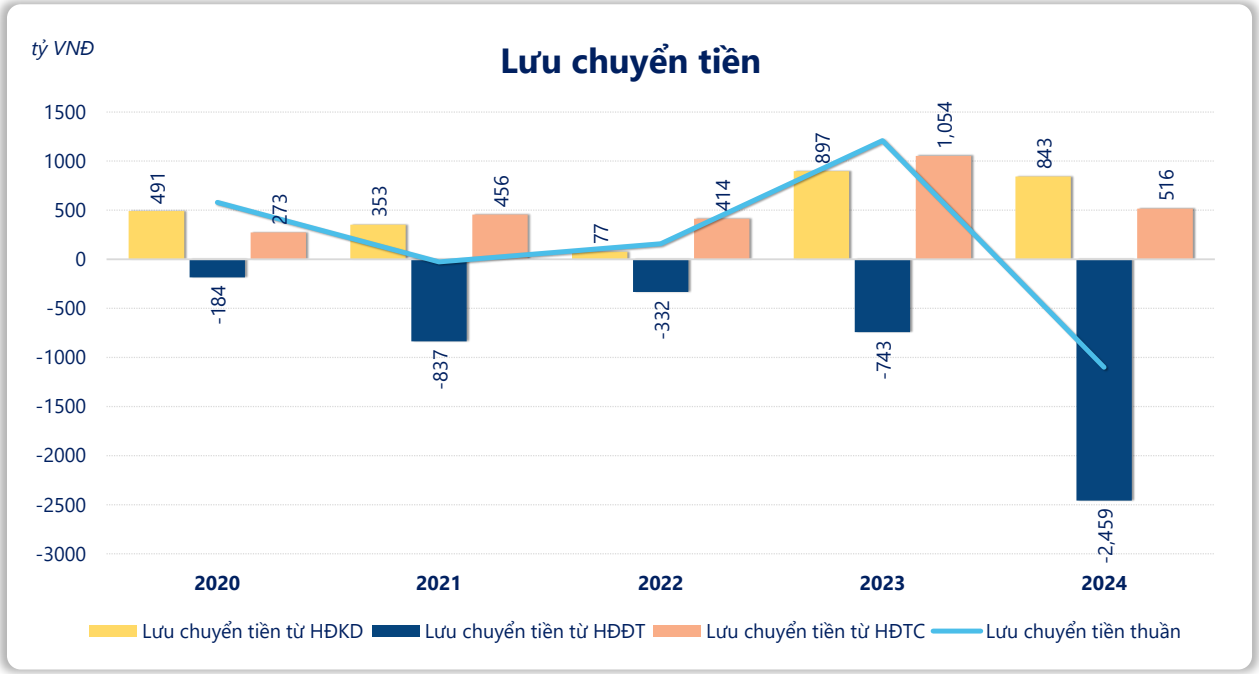

Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VNZ bằng **-1,100** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (1,209 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **842.9** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-2,459** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **516.2** tỷ đồng.